

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.
 - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Phạm Thị
Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở
phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
222/2020/TLST - HNGĐ ngày 04/9/2020 “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 31/12/2020 và theo
Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ-HPT ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị U vắng mặt có đơn đề nghị. Anh H vắng mặt đã triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/05/2020 và bản tự khai ngày 14/10/2020, và đề nghị xử vắng mặt ngày 24/12/2020 chị U trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, ngoài ra do kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh chửi, xúc phạm nhau. Đến tháng 11/2017 thì chị U mang theo cháu Bùi Chí N, sinh ngày 27/10/2012 về quê ở xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa, nay chị U thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh H.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là các cháu:

- Bùi Chí T, sinh ngày 02/9/2008.
- Bùi Chí N, sinh ngày 27/10/2012.

Sau khi chị U về quê, chị đã mang theo cháu Bùi Chí N về sinh sống tại tỉnh Thái Nguyên, còn cháu Bùi Chí T thì ở cùng với bố là anh Bùi Văn H tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình, nay Tòa giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi cả 2 con chung nếu không được thì chị xin nuôi cháu N còn anh H nuôi cháu T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2020 ông Bùi Văn H là bố đẻ anh H đã xác định anh H là người nghiện ma túy không có trách nhiệm gì với con cái, bỏ mặc cháu T ở nhà với ông, ông H hiện nay đã già yếu không lo được cho cháu, nên ông H đã phải điện cho chị U về đón cháu T lên ở cùng với chị U tại tỉnh Thái Nguyên để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Tại bản tự khai ngày 11/12/2020 các cháu N và T đều có nguyện vọng ở với mẹ.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị U xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung là các cháu: Bùi Chí T, sinh ngày 02/9/2008 và Bùi Chí N, sinh ngày 27/10/2012 hiện đang ở với chị U cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U.

3. Về án phí ly hôn: Chị U phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” giữa chị Nguyễn Thị U và anh Bùi Văn H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị U. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự, chị U đã chấp hành đầy đủ. Anh H không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự. Đến ngày 31/12/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của đương sự và từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Nguyễn Thị U và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2007 đăng ký tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân tự nguyện. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra việc cãi chửi nhau nhiều lần. Khi chị U làm đơn xin ly hôn anh H đã biết, nhưng anh vẫn cố tình bỏ đi làm. Từ thực tế chị U và anh H từ khi sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay, hai người cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là bằng chứng, xác định tình cảm vợ chồng chị U và anh H không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U. Xử lý hôn giữa chị U và anh H là phù hợp với thực tế và quy định của

Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế về cuộc sống và điều kiện kinh tế, chị U là công nhân có thu nhập ổn định với mức lương bình quân trên 6 triệu đồng một tháng. Các con chung của chị U và anh H là Bùi Chí T, sinh ngày 02/9/2008 và Bùi Chí N, sinh ngày 27/10/2012 hiện đang ở với chị U đã ổn định về cuộc sống cũng như học tập. Trên thực tế anh H anh hay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, ông Bùi Văn H là bố đẻ anh H đã xác định anh H là người nghiện ma túy không có trách nhiệm gì với con cái, bỏ mặc cháu T ở nhà với ông H. Vì vậy cần giao 2 con chung là Bùi Chí T và Bùi Chí Nguyễn cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh H đi làm xa là lao động tự do thu nhập không ổn định nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị U.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị U xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này anh H có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị U phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung là các cháu Bùi Chí T, sinh ngày 02/9/2008 và Bùi Chí N, sinh ngày 27/10/2012 cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U.

3. Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Về án phí ly hôn: Chị U phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị U nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/0000623 ngày 04/9/2020 được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện N.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Án xử công khai sơ thẩm, chị U và anh H quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã Y.
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

